

Số: 771 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 10 tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa tên và nội dung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Các nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát Thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám định tư pháp xây dựng, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính

được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013 của Bộ Xây dựng vv công bố TTHC mới ban hành; bãi bỏ TTHC lĩnh vực quản lý đầu tư phát triển đô thị thuộc phạm vi chức năng QLNN Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Công bố kèm theo Quyết định này là 43 thủ tục hành chính được chuẩn hóa tên và nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Xây dựng tỉnh Lào Cai, gồm: 07 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh; 29 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; 07 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp huyện (*Có danh mục thủ tục hành chính đề nghị chuẩn hoá tên và nội dung kèm theo*).

Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành, thì áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 19/02/2013 của UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai, Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

### Nơi nhận:

- Như điều 3QĐ;
- Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Thường trực TU, HĐND, UBND;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NC3.

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

**DANH MỤC TTHC ĐƯỢC CHUẨN HÓA TÊN VÀ NỘI DUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**

*(Kèm theo Quyết định số 771 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Lào Cai)*



**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (07 TTHC)**

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện TTHC	Cơ quan thẩm quyền quyết định
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (UBND TỈNH)</b>			
A	<b>KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN (theo Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</b>			
1.01	Thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	- Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014 - Điều 13 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015	UBND tỉnh	Thủ tướng Chính phủ
B	<b>LĨNH VỰC NHÀ Ở (theo Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</b>			
1.02	Thủ tục chấp thuận chủ trương dự án ĐTXD nhà ở thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của luật nhà ở năm 2014 <i>(trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đầu tư, Luật Đầu tư công)</i>	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015	- Sở Xây dựng - UBND tỉnh - Bộ Xây dựng	Thủ tướng Chính phủ
1.03	Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015	Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận (Sở Tài nguyên và Môi trường)	UBND tỉnh

C	QUẢN LÝ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)			
1.04	<p>Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị</li> <li>- Thông tư 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của liên Bộ Xây dựng – Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quản lý đầu tư phát triển đô thị</li> </ul>	<p>Cơ quan thực hiện: UBND cấp tỉnh</p>	<p>UBND cấp tỉnh</p>
1.05	<p>Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị</li> <li>- Thông tư 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của liên Bộ Xây dựng – Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quản lý đầu tư phát triển đô thị</li> </ul>	<p>Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan</p>	<p>UBND cấp tỉnh</p>
1.06	<p>Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</li> <li>- Thông tư 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của liên Bộ Xây dựng – Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của</li> </ul>	<p>Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan</p>	<p>UBND cấp tỉnh</p>



		<p>Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quản lý đầu tư phát triển đô thị</p> <p>- Thông tư số: 18/2016/TT - BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;</p>		
<b>II</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (SỞ XÂY DỰNG; SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO &amp; DU LỊCH)</b>			
	<b>QUẢN LÝ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</b>			
1.07	<p>Lấy ý kiến của các sở: Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh</p>	<p>- Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.</p> <p>- Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh</p> <p>- Thông tư 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của liên Bộ Xây dựng – Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quản lý đầu tư phát triển đô thị</p>	<p>Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch</p>	<p>Sở Xây dựng, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch</p>

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP SỞ (29 TTHC)

STT	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện TTHC	Cơ quan có thẩm quyền quyết định
I	<b>LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b>			
A	<b>CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC VÀ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ (theo Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</b>			
2.01	<p>Thủ tục Cấp/cấp lại/điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: Tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng</li> </ul>	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2.02	<p>Thủ tục Đăng tải/ thay đổi/ bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (Chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng</li> </ul>	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2.03	<p>Thủ tục Cấp/ cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/ cấp chuyển đổi/ điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực khảo sát xây dựng; Thiết kế quy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng</li> </ul>	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng

	hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.			
2.04	Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III ( <i>Trường hợp CCHN rách nát/ thất lạc</i> ) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
B	<b>CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CHO NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI (theo Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</b>			
2.05	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2.06	Thủ tục Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
C	<b>THẨM ĐỊNH DỰ ÁN, THIẾT KẾ, DỰ TOÁN (Theo Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</b>			
2.07	Thủ tục Thẩm định dự án/ dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/ thiết kế cơ sở điều chỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ ( <i>điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 4, điểm b khoản 5 điều 10</i> );	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015</li> <li>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng</li> </ul>		
2.08	<p>Thủ tục Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ (điều 5, điều 10, điều 13);</li> <li>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng (Điều 11 và điều 12);</li> </ul>	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2.09	<p>Thủ tục Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ (điểm b khoản 1 điều 24, điểm b khoản 1 điều 25, điểm b khoản 1 điều 26);</li> <li>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng</li> </ul>	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2.10	<p>Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày</li> </ul>	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng



	- văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	30/6/2016 của Bộ Xây dựng		
2.11	Thủ tục Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
D	KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN (theo Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)			
2.12	Thủ tục Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014 - Điều 12, Nghị định 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015	Sở Xây dựng	UBND tỉnh
2.13	Thủ tục Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới Bất động sản	- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014; - Điều 15, Thông tư 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng;	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2.14	Thủ tục Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới Bất động sản: Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng; do hết hạn (hoặc gần hết hạn)	- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014; - Điều 16 và điều 17, Thông tư 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng;	Sở Xây dựng:	Sở Xây dựng
E	LĨNH VỰC NHÀ Ở (theo Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)			
2.15	Thủ tục đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại khoản 5, điều 9, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015	Sở Xây dựng	UBND tỉnh

	ngày 20/10/2015		- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng		
2.16	Thủ tục đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại khoản 6, điều 9, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015		- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	UBND tỉnh
2.17	Thủ tục Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê, mua		- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2.18	Thủ tục Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại khoản 2 điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP		- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	UBND tỉnh
2.19	Thủ tục thẩm định giá bán, thuê, mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh		- Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 - Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016	Sở Xây dựng	UBND tỉnh
2.20	Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh		- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 - Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015	Cơ quan quản lý nhà ở công vụ (Sở Xây dựng)	UBND tỉnh
2.21	Thủ tục Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc Sở hữu nhà nước		- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng, đơn vị vận hành nhà ở	UBND tỉnh

2.22	Thủ tục Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 - Thông tư số 19/2016/ TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng, đơn vị vận hành nhà ở	Cơ quan địa điểm chủ sở hữu nhà ở
H	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (theo Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)			
2.23	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 - Điều 32, nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
I	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG (theo Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)			
2.24	Thủ tục Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	- Luật Giám định Tư pháp năm 2012 - Điều 8 Thông tư số 04/2014/TT-BXD - Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (Quy định này thay thế điều 5 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD) - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015	Sở Xây dựng	UBND cấp tỉnh
2.25	Thủ tục Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với cá nhân, tổ chức	- Luật Giám định Tư pháp năm 2012 - Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD - Điều 2, 3, 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-	Sở Xây dựng	UBND cấp tỉnh

	không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, Văn phòng Giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND tỉnh cho phép hoạt động	CP (Quy định này thay thế điều 5, 6, 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD) - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015		
2.26	Thủ tục Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận, đăng ký, công bố thông tin	- Luật Giám định Tư pháp năm 2012 - Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD - Điều 2, 3, 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (Quy định này thay thế điều 5, 6, 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD) - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015	Sở Xây dựng	UBND cấp tỉnh
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC QUY HOẠCH – KIẾN TRÚC XÂY DỰNG</b> (theo Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)			
2.27	Thủ tục Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý	- Khoản 4, điều 47, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Điều 33, 34, 35 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 - Khoản 5, điều 71 Luật QH đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 - Điều 36, 37, 38, 40 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010	Sở Xây dựng	UBND cấp tỉnh
2.28	Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng

2.29	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	- Khoản 2, điều 41, Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 - Khoản 1, điều 31, điều 32, 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
------	--	---	-------------	-------------

### III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP HUYỆN (07 TTHC)

ST T	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC	
I	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b> (Theo Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)			
3.01	Thủ tục Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại điều 5, điều 10, điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD.)	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;	Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện, thành phố	UBND cấp huyện, Thành phố
3.02	Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng	UBND cấp huyện, Thành phố	UBND cấp huyện, Thành phố
3.03	Thủ tục Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;	UBND cấp huyện, Thành phố	UBND cấp huyện, Thành phố

	xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng		
<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC XÂY DỰNG</b> (theo Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)				
4	Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015	Cơ quan QL quy hoạch xây dựng thuộc UBND cấp huyện	UBND cấp huyện, Thành phố
5	Thủ tục Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	- Điều 41, Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 - Điều 31, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 - Điều 32, 34 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Điều 26, 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015	Cơ quan QL quy hoạch xây dựng thuộc UBND cấp huyện	UBND cấp huyện, Thành phố
6	Thủ tục Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	- Điều 47 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 - Điều 33, 34, 35 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 - Điều 71, Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 - Điều 36, 37, 38, 40, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010	UBND cấp huyện	UBND cấp huyện, Thành phố



3.07	Thủ tục Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014</li> <li>- Luật QH đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009</li> <li>- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 36 /2016/QĐ-UBND ngày 15/6/ 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai</li> </ul>	Ban Quản lý khu kinh tế hoặc UBND cấp huyện, thành phố.	Ban Quản lý khu kinh tế hoặc UBND cấp huyện, thành phố.
------	---	---	---	---

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ, HUỖY BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NGÀNH XÂY DỰNG TỈNH LÀO CAI**  
(Kèm theo Quyết định số 774 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CẤP TỈNH</b> (Theo Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 19/02/2013 của UBND tỉnh Lào Cai)		
<b>A- Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng</b>		
1	Cấp chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng
3	Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình	Sở Xây dựng
4	Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá hạng 2	Sở Xây dựng
5	Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá hạng 1	Sở Xây dựng
6	Cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài là cá nhân hoạt động XD tại Việt Nam	Sở Xây dựng
7	Cấp giấy phép cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức hoạt động XD tại Việt Nam	Sở Xây dựng
8	Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Sở Xây dựng
9	Cấp chứng chỉ hành nghề định giá bất động sản	Sở Xây dựng
10	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình đã được Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định	Sở Xây dựng
11	Cấp lại Giấy phép xây dựng	Sở Xây dựng
12	Cấp Giấy phép di dời công trình	Sở Xây dựng
13	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng công trình	Sở Xây dựng
14	Gia hạn Giấy phép xây dựng công trình	Sở Xây dựng
15	Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ trở lên.	Sở Xây dựng

16	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật	Sở Xây dựng
17	Cấp giấy phép xây dựng trạm BTS loại I	Sở Xây dựng
18	Cấp giấy phép xây dựng trạm BTS loại II	Sở Xây dựng
<b>B- Lĩnh vực Quản lý Kiến trúc – quy hoạch</b>		
1	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị	Sở Xây dựng
2	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị	Sở Xây dựng
3	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn	Sở Xây dựng
4	Thẩm định nhiệm vụ thiết kế đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng	Sở Xây dựng
5	Thẩm định đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị	Sở Xây dựng
6	Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị.	Sở Xây dựng
7	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.	Sở Xây dựng
8	Thoả thuận nhiệm vụ quy hoạch xây dựng	Sở Xây dựng
9	Thoả thuận đồ án quy hoạch xây dựng	Sở Xây dựng
10	Thẩm định tổng mặt bằng xây dựng	Sở Xây dựng
11	Thoả thuận tổng mặt bằng xây dựng và phương án kiến trúc	Sở Xây dựng
12	Giới thiệu địa điểm đất theo quy hoạch	Sở Xây dựng
13	Cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng	Sở Xây dựng
14	Thoả thuận địa điểm xây dựng ngoài vùng quy hoạch.	Sở Xây dựng
15	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng cục bộ.	Sở Xây dựng
16	Cấp phép quy hoạch xây dựng	Sở Xây dựng
<b>II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CẤP HUYỆN</b> (Theo Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND tỉnh Lào Cai)		
<b>A- Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng</b>		

1	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ đô thị	UBND cấp huyện
2	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	UBND cấp huyện
3	Gia hạn giấy phép xây dựng	UBND cấp huyện
4	Cấp giấy phép xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà ở	UBND cấp huyện
5	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển, thay thế cây xanh	UBND cấp huyện
6	Xác định cự ly vận chuyển Vật liệu xây dựng	UBND cấp huyện
7	Cấp giấy phép xây dựng tạm	UBND cấp huyện
8	Ký cam kết việc đào hè, lòng đường	UBND cấp huyện
<b>B- Lĩnh vực Quản lý Kiến trúc – quy hoạch</b>		
1	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn	UBND cấp huyện
2	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn	UBND cấp huyện
3	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn	UBND cấp huyện
4	Phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn	UBND cấp huyện
5	Cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng đối với các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện (Quy hoạch trung tâm xã, cụm xã, điểm dân cư nông thôn)	UBND cấp huyện

**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (07 TTHC)**

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>1.01- Thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư chuyển nhượng gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đến Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh nơi có dự án.</li> <li>- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi lấy ý kiến của Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ quản lý chuyên ngành và tổ chức thẩm định hồ sơ chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án trong thời gian 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Sau khi hoàn thành việc thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả thẩm định để Thủ tướng Chính phủ quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện cho phép chuyển nhượng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư chuyển nhượng biết rõ lý do.</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Gửi hồ sơ đến UBND cấp tỉnh nơi có dự án.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng;</li> <li>- Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho chuyển nhượng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực);</li> <li>+ Quyết định phê duyệt dự án, quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (bản sao có chứng thực);</li> <li>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án đề nghị chuyển nhượng (bản sao có chứng thực);</li> </ul> </li> <li>- Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng.</li> <li>- Hồ sơ của chủ đầu tư nhận chuyển nhượng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án;</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh bất động sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh</li> </ul> </li> </ul>

	<p>nghiệp có vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 3 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (bản sao có chứng thực), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>+ Văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai. Trường hợp chưa có văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai thì phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán về mức vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm nhận chuyển nhượng hoặc năm trước liền kề năm nhận chuyển nhượng) đối với doanh nghiệp đang hoạt động; đối với doanh nghiệp mới thành lập thì nếu số vốn là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ thì phải được ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đó mở tài khoản xác nhận về số dư tiền gửi của doanh nghiệp, nếu số vốn là tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá, thẩm định giá tài sản của doanh nghiệp.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Chủ đầu tư dự án (Doanh nghiệp Kinh doanh bất động sản).
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp tỉnh.</li> </ul>
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Quyết định cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án bất động sản.
<b>Phí, lệ phí</b>	Không.
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ dự án và đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng một phần dự án (theo Mẫu số 08a và 08b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</li> <li>- Báo cáo quá trình thực hiện dự án (theo Mẫu số 09a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</li> <li>- Báo cáo quá trình thực hiện dự án và một phần dự án chuyển nhượng (theo Mẫu số 09b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án (theo Mẫu số 10a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</li> <li>- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án (theo Mẫu số 10b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</li> <li>- Quyết định về chấp thuận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án) (theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</li> </ul>
<b><i>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng.</li> <li>- Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính và cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án.</li> </ul>
<b><i>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.</li> <li>- Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.</li> </ul>

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN**  
(Mẫu số 08a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

- Tên Doanh nghiệp: .....
- Địa chỉ: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....
- Người đại diện theo pháp luật: ..... Chức vụ: .....
- Số điện thoại liên hệ: .....

Hiện đang là chủ đầu tư dự án: .....

Thuộc địa bàn xã..... huyện..... tỉnh.....

Đề nghị được chuyển nhượng toàn bộ dự án..... với các nội dung chính như sau:

**I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN**

1- Tên dự án: .....

2- Địa điểm: .....

3- Nội dung và quy mô dự án: .....

4- Diện tích sử dụng đất: .....

5- Diện tích đất xây dựng: .....

6- Tổng mức đầu tư: .....

7- Nguồn vốn đầu tư: .....

8- Tóm tắt tình hình triển khai dự án: .....

**II. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG.....**

**III. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ:** (Tên chủ đầu tư mới;

Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

**IV. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN.....**

**V. CAM KẾT .....**

(Có báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi kèm theo)

....., ngày .... tháng.....năm .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

**CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN**  
(Mẫu số 08b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

- Tên Doanh nghiệp: .....
- Địa chỉ: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....
- Người đại diện theo pháp luật: ..... Chức vụ: .....
- Số điện thoại liên hệ: .....

Hiện đang là chủ đầu tư dự án: .....

Thuộc địa bàn xã.....huyện.....tỉnh.....

Đề nghị được chuyển nhượng một phần dự án ..... với các nội dung chính như sau:

**I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN**

1. Tên dự án: .....
2. Địa điểm: .....
3. Nội dung và quy mô dự án: .....
4. Diện tích sử dụng đất của dự án: .....
5. Diện tích đất xây dựng: .....
6. Tổng mức đầu tư: .....
7. Nguồn vốn đầu tư: .....
8. Tóm tắt tình hình tiến khai dự án: .....

**II. XIN PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN**

1. Diện tích đất: .....
2. Vị trí khu đất: .....
3. Quy mô công trình: .....
4. Hiện trạng đang thực hiện: .....

**III. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG.....**

**IV.ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ:** (Tên chủ đầu tư mới;

Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

**V.PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN: .....**

**VI.CAM KẾT.....**

....., ngày .... tháng.....năm .....

**CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**  
(Mẫu số 09a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

Tên chủ đầu tư.....  
Số: ...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân .....

**1. Tên chủ đầu tư:**

- Địa chỉ: .....
- Người đại diện.....
- Số điện thoại.....

**2. Thông tin chung về dự án**

- Tên dự án.....
  - Địa điểm dự án.....
  - Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư...)...
  - Mục tiêu của dự án: .....
  - Tổng diện tích đất: ..... Trong đó bao gồm: .....
  - + Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất...)
  - + Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở.....)
  - + Tổng mức đầu tư (Nêu rõ cơ cấu nguồn vốn).....
  - + Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án.....
  - + Các thông tin khác.....
- 3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm:** .....
- 4. Quá trình thực hiện dự án:**
- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
  - Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
  - Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
  - Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.....
  - Tiến độ thực hiện dự án.....
  - Tình hình huy động vốn.....
  - Tình hình bán nhà ở (hoặc tình hình kinh doanh BĐS).....
  - Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2.....
  - Các vấn đề khác .....
- 5. Các nội dung đã cam kết với khách hàng.....**
- 6. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan .....**

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: .....

**CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN  
DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG**  
(Mẫu số 09b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày  
10/9/2015 của Chính phủ)

Tên chủ đầu tư.....  
Số: .../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO  
QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân .....

**1. Tên chủ đầu tư:**

- Địa chỉ.....
- Người đại diện.....
- Số điện thoại.....

**2. Thông tin chung về dự án và phần dự án chuyển nhượng:**

**a) Thông tin về dự án**

- Tên dự án.....
- Địa điểm dự án.....
- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư.....)
- Mục tiêu của dự án: .....
- Tổng diện tích đất: ..... Trong đó bao gồm: .....
- + Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất,...)
- + Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở.....) .....
- + Tổng mức đầu tư (nêu rõ cơ cấu nguồn vốn).....
- + Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án.....
- + Các thông tin khác.....

**b) Thông tin về phần dự án chuyển nhượng**

- Diện tích đất.....
- Quy mô công trình.....
- Tiến độ thực hiện, hiện trạng.....
- Hồ sơ pháp lý.....
- Các thông tin khác.....

**3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm: .....**

**4. Quá trình thực hiện dự án:**

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.....
- Tiến độ thực hiện dự án .....
- Tình hình huy động vốn.....
- Tình hình bán nhà, bán đất (hoặc tình hình kinh doanh BĐS).....
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2.....
- Các vấn đề khác .....

**5. Quá trình thực hiện của phần dự án chuyển nhượng:**

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
  - Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
  - Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
  - Tình hình xây dựng công trình, nhà ở.....
  - Tiến độ thực hiện dự án.....
  - Tình hình huy động vốn.....
  - Tình hình kinh doanh bán nhà, (hoặc tình hình kinh doanh bất động sản).....
  - Các vấn đề khác.....
6. Các nội dung đã cam kết với khách hàng.....
7. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan .....

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: .....

**CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và  
đóng dấu)



**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN**  
(Mẫu số 10a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN**

Kính gửi: .....

**1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng dự án .....**

- Địa chỉ: .....
- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....

**2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)**

**3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án trong tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư.....; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):.....**

**4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án sau:**

- Tên dự án: .....
- Chủ đầu tư là: .....
- Địa điểm: .....
- Nội dung và quy mô dự án: .....
- Diện tích sử dụng đất của dự án: .....
- Diện tích đất xây dựng: .....
- Tổng mức đầu tư: .....

**5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng và làm chủ đầu tư dự án ....., Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:**

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án.....
- Về tiến độ.....
- Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan.....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- (dấu)
- Lưu.

....., ngày .... tháng.....năm .....

**CHỦ ĐẦU TƯ MỚI**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN**  
(Mẫu số 10b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN**

Kính gửi: .....

**1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng một phần dự án .....**

- Địa chỉ: .....
- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....

**2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn...)**...

**3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):**

**4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án sau:**

**a) Thông tin chung về dự án:**

- Tên dự án: .....
- Địa điểm: .....
- Nội dung và quy mô dự án: .....
- Diện tích sử dụng đất của dự án: .....
- Diện tích đất xây dựng: .....
- Tổng mức đầu tư: .....

**b) Thông tin về phần dự án xin nhận chuyển nhượng:**

- Vị trí khu đất: .....
- Quy mô công trình: .....
- Hiện trạng đang thực hiện: .....

**5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng một phần**

....., Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án.....
- Về tiến độ.....
- Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan.....

....., ngày .... tháng..... năm .....

**CHỦ ĐẦU TƯ MỚI**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- dấu)**
- Lưu.

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>1.02- Thủ tục đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo Luật Nhà ở năm 2014 (trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đầu tư, Luật đầu tư công)</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP tại Sở Xây dựng nơi có dự án;</li> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng;</li> <li>- Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình kèm theo hồ sơ, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định.</li> <li>- Bộ Xây dựng thực hiện thẩm định và có tờ trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Gửi hồ sơ tới Sở Xây dựng nơi dự kiến thực hiện dự án
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	a) Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư;</li> <li>- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 99/2015/NĐ-CP; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;</li> <li>- Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; nội dung liên quan đến quy hoạch, bản vẽ quy hoạch trong hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.</li> <li>- Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa</li> </ul>

	<p>phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Không quá 55 ngày, kể từ ngày Bộ Xây dựng nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thẩm định của UBND cấp tỉnh.
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Nhà đầu tư.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ</li> <li>- Cơ quan phân cấp thực hiện: Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng.</li> </ul>
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Văn bản của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.
<b>Phí, lệ phí</b>	Không
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;</li> <li>- Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Xây dựng đề nghị thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;</li> <li>- Mẫu Tờ trình của Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</li> </ul>
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	Không.
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nhà ở năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.</li> <li>- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.</li> </ul>

**Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị  
chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở**  
*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 02 Thông tư số 19/2016/TT-BXD  
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở**

Kính gửi: UBND tỉnh, thành phố .....

Sở Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ dự án nhà ở/đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (tên dự án).....số .....ngày..... tháng..... năm.....của nhà đầu tư...(phần này áp dụng đối với trường hợp đã có nhà đầu tư).....

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan gồm...(tên các cơ quan có ý kiến và số văn bản góp ý)....., Sở Xây dựng đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Tên dự án:
2. Tên nhà đầu tư (nếu có):
3. Hình thức đầu tư:
4. Mục tiêu đầu tư:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Quy mô dự án, diện tích sử dụng đất của dự án:
7. Ranh giới sử dụng đất:
8. Tính pháp lý của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:

9. Tóm tắt những nội dung chính như: mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, quy mô dân số....

10. Tóm tắt ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có):

11. Nhận xét, đánh giá:

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư:

b) Sự phù hợp với quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi tiết nếu đã có quy hoạch chi tiết) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

c) Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương và phù hợp với danh mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có):

d) Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:

đ) Phương án tiêu thụ sản phẩm (bán, cho thuê, cho thuê mua):

e) Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:

g) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án:

h) Các công trình hạ tầng xã hội, trong đó nêu rõ các công trình do Nhà nước đầu tư và dự kiến thời hạn đầu tư các công trình này:

i) Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):

k) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án:

l) Thời gian, tiến độ thực hiện (phân theo giai đoạn nếu có):

12. Những đề xuất ưu đãi của chủ đầu tư:

13. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

15. Những kiến nghị cụ thể:

Đề nghị UBND tỉnh, thành phố.....xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở<sup>1</sup> (tên dự án)...../.

**Nơi nhận:**

- Nhà đầu tư (nếu có);

-.....

**GD Sở Xây dựng**

**(Ký tên, đóng dấu)**

<sup>1</sup> Trường hợp dự án thuộc diện Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư thì ghi rõ đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét, có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.



**Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Xây dựng đề nghị thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở**  
*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 03 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**UBND tỉnh, thành phố**

.....

Số:.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố..... đã nhận được Tờ trình số ....ngày tháng ...năm....của Sở Xây dựng kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (tên dự án).....

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

Trên cơ sở nội dung hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố..... đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án..... (tên dự án).....với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án:.....
2. Hình thức đầu tư:
3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Quy mô dự án:
6. Diện tích sử dụng đất:
7. Ranh giới sử dụng đất:
8. Quy mô dân số:
9. Mật độ xây dựng:
10. Hệ số sử dụng đất:
11. Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở:

Tổng số lượng là:.....căn, tổng diện tích sàn xây dựng là:..... m<sup>2</sup> và tỷ lệ các loại nhà ở trong dự án (bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư), cụ thể như sau:.....

12. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho các hộ gia đình, cá nhân:

14. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

15. Các công trình hạ tầng xã hội, gồm:

a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:

b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng và thời gian phải hoàn thành việc xây dựng:

16. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội.....m<sup>2</sup> (nếu có):

17. Thời gian và tiến độ thực hiện:

18. Ưu đãi của Nhà nước (nếu có):

19. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

20. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

21. Các vấn đề liên quan khác:

*Gửi kèm theo văn bản này là hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư./*

**Nơi nhận:**

- .....

**Chủ tịch UBND...**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Tờ trình của Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở**  
*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 04 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**TỜ TRÌNH**

***Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở***

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Căn cứ văn bản số....ngày.....tháng....năm .....của Ủy ban nhân dân tỉnh.....kèm theo hồ sơ đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (*tên dự án*).....

- Căn cứ ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan (nếu có):.....

- Trên cơ sở xem xét hồ sơ gửi kèm văn bản số.....ngày.....của Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Bộ Xây dựng đã tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư dự án và báo cáo kết quả như sau:

1. Tên dự án:
2. Mục tiêu đầu tư:
3. Địa điểm xây dựng:
4. Quy mô dự án:
5. Diện tích sử dụng đất của dự án:
6. Quy mô dân số:
7. Hệ số sử dụng đất:
8. Mật độ xây dựng:
9. Tổng số lượng nhà ở của dự án là:.....căn, với tổng diện tích sàn xây dựng là: .....m<sup>2</sup> và tỷ lệ các loại nhà (bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư), cụ thể như sau:.....
10. Phương án tiêu thụ sản phẩm:
11. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

12. Các công trình hạ tầng xã hội, bao gồm:

a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:

b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền địa phương chịu trách nhiệm xây dựng và dự kiến thời gian phải hoàn thành việc xây dựng các công trình:

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:

14. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội.....m<sup>2</sup> (nếu có):

15. Thời gian thực hiện dự án (phân giai đoạn đầu tư):

16. Những đề xuất ưu đãi của Nhà nước:

17. Trách nhiệm của chính quyền địa phương:

18. Những vấn đề khác có liên quan:

Bộ Xây dựng báo cáo và đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND, Sở Xây dựng tỉnh....
- Nhà đầu tư (nếu có);
- Lưu :.....

**Bộ trưởng Bộ Xây dựng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>1.03- Thủ tục gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>a) Trình tự đối với cá nhân nước ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng, nếu chủ sở hữu có nhu cầu gia hạn thêm thì phải có đơn ghi rõ thời hạn đề nghị gia hạn kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà ở đó xem xét, giải quyết;</li> <li>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và có văn bản đồng ý gia hạn một lần thời hạn sở hữu nhà ở theo đề nghị của chủ sở hữu nhưng tối đa không quá 50 năm, kể từ khi hết hạn sở hữu nhà ở lần đầu ghi trên Giấy chứng nhận, trừ trường hợp bị buộc xuất cảnh hoặc buộc chấm dứt hoạt động tại Việt Nam;</li> <li>- Căn cứ văn bản đồng ý gia hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm ghi gia hạn trên Giấy chứng nhận; cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải sao một bản Giấy chứng nhận và chuyển cho Sở Xây dựng để theo dõi.</li> </ul> <p>b) Trình tự đối với tổ chức nước ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng, nếu chủ sở hữu có nhu cầu gia hạn thêm thì phải có đơn ghi rõ thời hạn đề nghị gia hạn kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gia hạn hoạt động và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà ở đó xem xét, giải quyết;</li> <li>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và có văn bản đồng ý gia hạn một lần thời hạn sở hữu nhà ở theo đề nghị của chủ sở hữu nhưng tối đa không quá thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gia hạn hoạt động;</li> <li>- Căn cứ văn bản đồng ý gia hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm ghi gia hạn trên Giấy chứng nhận; cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải sao một bản Giấy chứng nhận và chuyển cho Sở Xây dựng để theo dõi.</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Gửi hồ sơ đến UBND cấp tỉnh nơi có nhà ở
<b>Thành phần, số lượng</b>	a) Thành phần hồ sơ:

<b>hồ sơ</b>	<p><b>Đối với cá nhân:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở;</li> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở.</li> </ul> <p><b>Đối với tổ chức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở;</li> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở;</li> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu.
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Cá nhân, tổ chức nước ngoài đang sở hữu nhà ở tại Việt Nam.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</li> <li>- Cơ quan thực hiện: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận (Sở Tài nguyên và môi trường).</li> </ul>
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Văn bản đồng ý gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở.
<b>Phí, lệ phí</b>	Không
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	Không
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	Phải có đơn gửi UBND cấp tỉnh trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng.
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nhà ở năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở</li> </ul>

<p><b>Tên Thủ tục hành chính</b></p>	<p><b>1.04- Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh</b></p>
<p><b>Trình tự thực hiện</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư gửi hồ sơ trình UBND cấp tỉnh đề nghị thẩm định, chấp thuận đầu tư.</li> <li>- UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, ghi giấy biên nhận hồ sơ.</li> <li>- Cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và có văn bản thẩm định trình UBND cấp tỉnh.</li> <li>- Trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận đầu tư không cần lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định và có quyết định chấp thuận đầu tư tối đa là 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ từ chủ đầu tư.</li> <li>- Trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chấp thuận đầu tư của UBND cấp tỉnh phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng:          UBND cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng. Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo thời hạn quy định.          UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận đầu tư dự án trên cơ sở văn bản thẩm định và văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng.</li> <li>- UBND cấp tỉnh trao quyết định chấp thuận đầu tư cho Chủ đầu tư tại trụ sở cơ quan hành chính và gửi cho Bộ Xây dựng qua đường văn thư.</li> </ul>
<p><b>Cách thức thực hiện</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư trực tiếp gửi hồ sơ trình UBND cấp tỉnh tại trụ sở cơ quan hành chính.</li> <li>- Việc gửi hồ sơ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau được thực hiện trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường văn thư.</li> </ul>
<p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p>	<p><b>a) Thành phần hồ sơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án.</li> <li>- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chỉ định chủ đầu tư, hoặc văn bản xác nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp chủ đầu tư là chủ sử dụng khu đất thực hiện dự án.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ dự án theo quy định gồm: thuyết minh dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, hồ sơ thiết kế đô thị (không bao gồm mô hình thu nhỏ khu vực thực hiện dự án), dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (nếu có), các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (nếu có).</li> <li>- Các văn bản pháp lý kèm theo: Quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; hồ sơ quy hoạch chi tiết; hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư về tài chính, kinh nghiệm về đầu tư và quản lý phù hợp để thực hiện dự án và các văn bản pháp lý có liên quan khác.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng hồ sơ trình đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 10 bộ hồ sơ.</li> <li>- Số lượng hồ sơ trình đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 16 bộ hồ sơ.</li> </ul>
<p><b>Thời hạn giải quyết</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: Không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: Không quá 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư), trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến. Trong trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành có liên quan đối với dự án thì thời gian xem xét trả lời tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến;</li> <li>Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng.</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b></p>	<p>Chủ đầu tư.</p>
<p><b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.</li> </ul>



	- Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Quyết định chấp thuận đầu tư dự án của UBND cấp tỉnh hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không chấp thuận đầu tư dự án.
<b>Phí, lệ phí</b>	Chưa có quy định cụ thể.
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	Không
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	Không
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị</li> <li>- Thông tư 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của liên Bộ Xây dựng – Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quản lý đầu tư phát triển đô thị.</li> </ul>

<p><b>Tên Thủ tục hành chính</b></p>	<p><b>1.05- Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh</b></p>
<p><b>Trình tự thực hiện</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư gửi tờ trình kèm theo 05 bộ hồ sơ trình UBND cấp tỉnh đề nghị điều chỉnh dự án. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, ghi giấy biên nhận hồ sơ.</li> <li>- Trường hợp các dự án không thuộc phạm vi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: UBND cấp tỉnh xem xét và ra văn bản trả lời về các đề nghị thay đổi, bổ sung các nội dung của dự án.</li> <li>- Trường hợp các dự án thuộc phạm vi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng:          Chủ đầu tư phải gửi 03 bộ hồ sơ về Bộ Xây dựng để lấy ý kiến. Bộ Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.          Bộ Xây dựng xem xét hồ sơ và trả lời Chủ đầu tư, đồng thời có công văn gửi UBND cấp tỉnh về việc điều chỉnh dự án. Trong trường hợp cần thiết Bộ Xây dựng lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan.          UBND cấp tỉnh ra quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án.</li> <li>- UBND cấp tỉnh trao quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án cho Chủ đầu tư tại trụ sở cơ quan hành chính và gửi cho Bộ Xây dựng qua đường văn thư.</li> </ul>
<p><b>Cách thức thực hiện</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư trực tiếp gửi hồ sơ trình UBND cấp tỉnh tại trụ sở cơ quan hành chính; gửi hồ sơ trình Bộ Xây dựng tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường văn thư.</li> <li>- Việc gửi hồ sơ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau được thực hiện trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường văn thư.</li> </ul>
<p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p>	<p><b>a) Thành phần hồ sơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị điều chỉnh dự án.</li> <li>- Phần nội dung thay đổi, điều chỉnh của dự án.</li> <li>- Văn bản có liên quan.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng hồ sơ trình UBND cấp tỉnh: 05 (bộ).</li> <li>- Số lượng hồ sơ trình Bộ Xây dựng (đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng): 03 (bộ).</li> </ul>

<p><b>Thời hạn giải quyết</b></p>	<p>- Thời hạn UBND cấp tỉnh xem xét và quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án.</p> <p>- Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: thời hạn Bộ Xây dựng xem xét hồ sơ và trả lời Chủ đầu tư không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư.</p> <p>Trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan thì tổng thời gian xem xét trả lời không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư.</p>
<p><b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b></p>	<p>Chủ đầu tư.</p>
<p><b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b></p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.</p> <p>- Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.</p>
<p><b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b></p>	<p>Quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án của UBND cấp tỉnh hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không chấp thuận.</p>
<p><b>Phí, lệ phí</b></p>	<p>Chưa có quy định cụ thể.</p>
<p><b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b></p>	<p>Không</p>
<p><b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b></p>	<p>Không</p>
<p><b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b></p>	<p>- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị</p> <p>- Thông tư 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của liên Bộ Xây dựng – Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quản lý đầu tư phát triển đô thị</p>

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>1.06- Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt.</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư gửi công văn và 15 bộ hồ sơ đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận đầu tư.</li> <li>- UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, ghi giấy biên nhận hồ sơ.</li> <li>- Cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và có văn bản thẩm định trình UBND cấp tỉnh.</li> <li>- UBND cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng. Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo thời hạn quy định.</li> <li>- Trên cơ sở văn bản thẩm định và văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh xem xét, chấp thuận dự án.</li> <li>- UBND cấp tỉnh trao văn bản chấp thuận dự án cho Chủ đầu tư tại trụ sở cơ quan hành chính và gửi cho Bộ Xây dựng qua đường văn thư.</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư trực tiếp gửi hồ sơ trình UBND cấp tỉnh tại trụ sở cơ quan hành chính.</li> <li>- Việc gửi hồ sơ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau được thực hiện trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường văn thư.</li> </ul>
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p><b>a) Thành phần hồ sơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị chấp thuận dự án.</li> <li>- Dự án bao gồm phần thuyết minh và thiết kế cơ sở.</li> <li>- Các văn bản pháp lý có liên quan.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ</b></p> <p>Số lượng hồ sơ trình thẩm định: 15 (bộ).</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>Không quá 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng là 7 ngày kể từ ngày nhận được công văn và 15 bộ hồ sơ dự án hợp lệ của Chủ đầu tư;</li> <li>- Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến;</li> <li>- Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, chấp thuận dự án tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng.</li> </ul>
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Chủ đầu tư.

<b>thủ tục hành chính</b>	
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.</li> <li>- Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.</li> </ul>
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Văn bản chấp thuận dự án hoặc không chấp thuận dự án của UBND cấp tỉnh.
<b>Phí, lệ phí</b>	Chưa có quy định cụ thể.
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	Không
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	Không
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</li> <li>- Thông tư 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của liên Bộ Xây dựng – Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quản lý đầu tư phát triển đô thị</li> <li>- Thông tư số: 18/2016/TT - BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;</li> </ul>

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>1.07- Lấy ý kiến của các sở: Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh.</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư gửi công văn xin ý kiến và 01 bộ hồ sơ dự án lấy ý kiến góp ý của các sở: Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch.</li> <li>- Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến và hồ sơ dự án.</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường văn thư.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p><b>a) Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản xin ý kiến góp ý.</li> <li>- Hồ sơ dự án bao gồm phần thuyết minh, bộ ảnh và thiết kế cơ sở.</li> <li>- Các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định dự án và văn bản khác có liên quan.</li> </ul> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến và hồ sơ dự án.
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Chủ đầu tư.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	Sở Xây dựng, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Văn bản cho ý kiến góp ý về hồ sơ dự án.
<b>Phí, lệ phí</b>	Không
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	Không
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	<p><b>a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1:</b> Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử,... ban đầu của công trình.</p> <p><b>b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2:</b> Việc lập, thẩm định, phê duyệt, và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định 11/2013/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.</p>

<p><b><i>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i></b></p>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.</li><li>- Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh</li><li>- Thông tư 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của liên Bộ Xây dựng – Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quản lý đầu tư phát triển đô thị</li></ul>
--	--

**II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CẤP SỞ (29 TTHC)**

<p><b>Tên Thủ tục hành chính</b></p>	<p><b>2.01- Thủ tục cấp/cấp lại /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng.</b></p>
<p><b>Trình tự thực hiện</b></p>	<p>Sở Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III đối với tổ chức có trụ sở chính tại địa bàn hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực về yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc tổ chức phúc tra để xác minh hồ sơ nếu cần thiết.</p> <p><b>Tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực có trách nhiệm đánh giá năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trình Cơ quan cấp chứng chỉ năng lực quyết định.</li> <li>- Thời gian đánh giá, cấp chứng chỉ năng lực không quá 10 ngày đối với chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cấp chứng chỉ năng lực, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị cấp Mã số chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 15 Thông tư số 17/2016/TT-BXD tới Bộ Xây dựng. Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Xây dựng có trách nhiệm phát hành Mã số chứng chỉ năng lực, đồng thời thực hiện việc tích hợp thông tin để quản lý, tra cứu chứng chỉ năng lực và công bố thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.</li> </ul> <p>Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ có nghĩa vụ nộp lệ phí cấp chứng chỉ năng lực khi nộp hồ sơ. Lệ phí không hoàn trả trong mọi trường hợp.</p> <p><b>Thời hạn xét điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng</b></p>



	lực như quy định đối với trường hợp cấp mới.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.</li> <li>- Tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức; bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.</li> <li>- Tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản danh sách các cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức theo quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư số 17/2016/TT-BXD kèm theo các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt, công nhân kỹ thuật (nếu có) liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành của công việc tiêu biểu đã thực hiện).</li> <li>- Tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản kê khai năng lực tài chính trong thời gian 03 năm tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ năng lực, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.</li> <li>- Chứng chỉ cũ đối với trường hợp chứng chỉ cũ bị rách, nát hoặc điều chỉnh, bổ sung nội dung hoặc chứng chỉ cũ đã hết hạn sử dụng.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Tổ chức trong nước.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	Sở Xây dựng.
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III.
<b>Phí, lệ phí</b>	Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

	<p>- Bản danh sách các cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức theo quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.</p>
<p><b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b></p>	<p><i>a) Điều kiện chung đối với tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.</li> <li>- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.</li> </ul> <p><i>b) Điều kiện riêng đối với từng loại tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:</i></p> <p><i>(1) Tổ chức khảo sát xây dựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Hạng II:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng II phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;</li> <li>+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;</li> <li>+ Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án nhóm B; 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.</li> </ul> </li> <li>- <i>Hạng III:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng III phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;</li> <li>+ Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</li> </ul> </li> </ul>

*(2) Tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng:*

*- Hạng II:*

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng II; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có ít nhất 20 (hai mươi) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng;

+ Đã thực hiện lập ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại II hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

*- Hạng III:*

+ Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng III; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng.

*(3) Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng:*

*- Hạng II:*

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ thiết kế hạng II phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

*- Hạng III:*

+ Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ thiết kế hạng III phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

*(4) Tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng:*

*- Hạng II:*

+ Có ít nhất 3 (ba) người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm lập dự án nhóm B phù hợp với loại dự án đề nghị cấp chứng chỉ;

+ Những người chủ trì lĩnh vực chuyên môn của dự án phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có tối thiểu 20 (hai mươi) người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập dự án đầu tư xây dựng;

+ Đã thực hiện lập, thẩm tra ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm c cùng loại.

*- Hạng III:*

+ Có ít nhất 3 (ba) người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm lập dự án nhóm C phù hợp với loại dự án đề nghị cấp chứng chỉ;

+ Những người chủ trì lĩnh vực chuyên môn của dự án phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có tối thiểu 10 (mười) người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập dự án đầu tư xây dựng.

*(5) Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng:*

*- Hạng II:*

+ Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm B;

+ Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 15 (mười lăm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C cùng loại.

*- Hạng III:*

+ Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm C cùng loại;

+ Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất

lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

*(6) Tổ chức thi công xây dựng công trình:*

*- Hạng II:*

+ Có ít nhất 2 (hai) người đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng II cùng loại công trình xây dựng;

+ Những người phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 3 (ba) năm;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;

+ Có ít nhất 20 (hai mươi) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện thầu chính thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

*- Hạng III:*

+ Có ít nhất 1 (một) người đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng III cùng loại công trình xây dựng;

+ Những người phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ nghề phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;

+ Có ít nhất 5 (năm) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

*(7) Tổ chức giám sát thi công xây dựng:*

*- Hạng II:*

Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng, chủ trì kiểm định xây dựng hạng II phù hợp với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng.

*- Hạng III:*

Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hạng III phù hợp với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng.

*(8) Tổ chức kiểm định xây dựng:*

*- Hạng II:*

Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề giám sát

	<p>thi công xây dựng, chủ trì kiểm định xây dựng hạng II phù hợp với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng.</p> <p>- <i>Hạng III:</i></p> <p>Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hạng III phù hợp với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng.</p> <p>(9) <i>Tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng:</i></p> <p>- <i>Hạng II:</i></p> <p>+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng II;</p> <p>+ Có ít nhất 10 (mười) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.</p> <p>- <i>Hạng III:</i></p> <p>+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III;</p> <p>+ Có ít nhất 5 (năm) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.</p>
<p><b><i>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i></b></p>	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.</p>

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG  
NỘI DUNG CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG  
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 03 Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây  
dựng)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP  
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG  
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)**

1. Tên tổ chức: .....
  2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
  3. Số điện thoại: .....Số fax: .....
  4. Email: ..... Website: .....
  5. Người đại diện theo pháp luật:  
Họ và tên: ..... Chức vụ: .....
  6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:..... Nơi  
cấp:..... Ngày cấp: .....
  7. Ngành nghề kinh doanh chính: .....
  8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có): .....
- Đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây  
dựng như sau:

7.1. Cấp chứng chỉ năng lực   
Lĩnh vực hoạt động xây dựng: .....<sup>(1)</sup>..... Hạng năng lực: .....

7.2. Cấp lại chứng chỉ năng lực:   
Lý do: .....<sup>(2)</sup>.....

7.3. Điều chỉnh/Bổ sung nội dung hoạt động:   
Lĩnh vực hoạt động xây dựng điều chỉnh/bổ sung:....<sup>(1)</sup>... Hạng năng lực:.....

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hoạt động xây  
dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật  
có liên quan.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Ghi rõ lĩnh vực hoạt động theo quy định Khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

<sup>(2)</sup> Ghi rõ lý do theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

## MẪU DANH SÁCH

Cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật có liên quan và  
kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức  
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 04 Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây  
dựng)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP  
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng..... năm.....

## DANH SÁCH

Cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật có liên quan và  
kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức

### I. Thông tin về tổ chức:

Tên tổ chức: .....

Điện thoại: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ: ..... Hạng : .....

**II. Danh sách cá nhân chủ chốt và nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức**

#### 1. Danh sách cá nhân chủ chốt<sup>(\*)</sup>:

STT	Họ và Tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
...				

#### 2. Danh sách nhân viên, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và Tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
...				

#### III. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động)	Thông tin công trình (Tên dự án/công trình; nhóm dự án;	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện	Ghi chú
-----	--	--	--	---------



	<i>và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu, ...)</i>	<i>loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)</i>	<i>thoại liên hệ)</i>	
1				
2				
...				

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA TỔ CHỨC**  
*(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** (\*) Cá nhân chủ chốt phải có hợp đồng lao động với Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực từ 12 tháng trở lên, giữ vai trò chủ nhiệm; chủ trì; giám sát trưởng; chỉ huy trưởng công trường. Mỗi cá nhân được tham gia hoạt động xây dựng với các Tổ chức khác nhau nhưng chỉ thực hiện vai trò chủ chốt tại một Tổ chức.

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>2.02- Thủ tục đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng).</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Tổ chức tham gia các hoạt động xây dựng không thuộc đối tượng được cấp chứng chỉ năng lực nộp hồ sơ đề nghị đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực tại Sở Xây dựng để được xem xét, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.</p> <p>Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng tải thông tin hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.</p>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Trường hợp đăng tải thông tin năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản đề nghị đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 13 Thông tư số 17/2016/TT-BXD;</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc tài liệu tương đương của tổ chức do cơ quan có thẩm quyền cấp;</li> <li>- Tệp tin chứa bản scan màu có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề, hợp đồng lao động của các cá nhân chủ trì các bộ môn trong tổ chức;</li> <li>- Tệp tin chứa bản scan màu có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành đã thực hiện (mỗi lĩnh vực không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành của công việc tiêu biểu). Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị đăng tải thông tin cung cấp tài liệu gốc để đối chiếu.</li> </ul> <p>(2) Trường hợp thay đổi, bổ sung thông tin năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản cung cấp các nội dung điều chỉnh kèm theo tệp tin chứa bản scan màu có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) tài liệu liên quan.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>

<b><i>Thời hạn giải quyết</i></b>	Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
<b><i>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</i></b>	Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng có địa chỉ trụ sở chính tại địa phương.
<b><i>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</i></b>	Sở Xây dựng.
<b><i>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</i></b>	Thông tin năng lực hoạt động xây dựng được đăng tải trên website của Sở Xây dựng.
<b><i>Phí, lệ phí</i></b>	Không
<b><i>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</i></b>	Bản đề nghị đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 13 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.
<b><i>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</i></b>	Không.
<b><i>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</li> <li>- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.</li> </ul>

**MẪU BẢN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN  
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  
*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 13  
Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**TÊN TỔ CHỨC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng..... năm.....

**BẢN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN  
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  
*(dùng cho Tổ chức<sup>(\*)</sup>)*

*Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền*

1. Tên tổ chức: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....  
Số điện thoại: ..... Số fax: .....  
Email: ..... Website: .....
3. Địa chỉ văn phòng đại diện, Văn phòng chi nhánh (nếu có): .....
4. Người đại diện theo pháp luật:  
Họ và tên: ..... Chức vụ: .....
5. Quyết định thành lập:  
Số: ..... ngày: ..... Cơ quan ban hành: .....
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:  
Số:..... ngày cấp: ..... Cơ quan cấp: .....
7. Vốn điều lệ: .....
8. Số lượng cán bộ chủ chốt của Tổ chức: ..... người.  
Trong đó:  
+ Trên đại học:.....người.  
+ Đại học: .....người.
9. Nội dung đề nghị đăng tải thông tin:  
.....  
.....

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin kê khai ở trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA TỔ CHỨC**  
*(ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:**

<sup>(\*)</sup> Mẫu này dành cho các tổ chức tham gia các hoạt động xây dựng ngoài các lĩnh vực có yêu cầu chứng chỉ năng lực và nhà thầu nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng ở Việt Nam.

<p><b>Tên Thủ tục hành chính</b></p>	<p><b>2.03- Thủ tục cấp/ cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/cấp chuyển đổi /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.</b></p>
<p><b>Trình tự thực hiện</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tới Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III.</li> <li>- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận sát hạch có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ trước khi trình Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xem xét quyết định. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, Bộ phận sát hạch có trách nhiệm thông báo một lần tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> <li>- Việc sát hạch được tiến hành theo tổ chức, khu vực hoặc địa phương. Thời gian tổ chức sát hạch được tiến hành định kỳ hàng quý hoặc đột xuất do Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề quyết định phù hợp với nhu cầu đề nghị cấp chứng chỉ. Trước thời gian tổ chức sát hạch 05 ngày, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề thông báo bằng văn bản và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng thông tin về thời gian, địa điểm tổ chức và mã số dự sát hạch của từng cá nhân.</li> <li>- Trong thời gian tối đa 03 ngày kể từ khi tổ chức sát hạch, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổng hợp, trình kết quả sát hạch của cá nhân để Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp chứng chỉ hành nghề. Kết quả sát hạch của cá nhân được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch.</li> <li>- Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cấp chứng chỉ hành nghề, Sở Xây dựng gửi văn bản đề nghị cấp Mã số chứng chỉ hành nghề tới Bộ Xây dựng để phát hành Mã số chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Xây dựng có trách nhiệm phát hành Mã số chứng chỉ hành nghề, đồng thời thực hiện việc tích hợp thông tin để quản lý chứng chỉ hành nghề đã cấp và đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân trên trang thông tin điện tử.</li> <li>- Sở Xây dựng có trách nhiệm phát hành chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III cho cá nhân đã được cấp Mã số chứng chỉ hành nghề.</li> </ul> <p>Trình tự, thủ tục sát hạch, chuyển đổi chứng chỉ được thực</p>

	<p>hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới. Cá nhân đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề được miễn sát hạch nội dung về kiến thức chuyên môn.</p> <p>Trình tự và thời gian xét cấp chứng chỉ hành nghề đối với cấp lại (trường hợp chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng)/điều chỉnh, bổ sung nội dung thực hiện như đối với trường hợp đề nghị cấp mới.</p>
<p><b>Cách thức thực hiện</b></p>	<p>Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.</p>
<p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Trường hợp cấp/cấp lại (trường hợp chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng)/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD kèm theo 02 ảnh màu cỡ 4x6cm có nền màu trắng.</li> <li>- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của các văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp (trừ trường hợp cấp lại do chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng).</li> <li>- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản khai kinh nghiệm có xác nhận về nơi làm việc của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo mẫu tại Phụ lục số 02 Thông tư số 17/2016/TT-BXD (trừ trường hợp cấp lại do chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng).</li> <li>- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của các hợp đồng hoạt động xây dựng mà cá nhân đã tham gia thực hiện các công việc hoặc văn bản phân công công việc (giao nhiệm vụ) của cơ quan, tổ chức cho cá nhân liên quan đến nội dung kê khai (trừ trường hợp cấp lại do chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng).</li> <li>- Chứng chỉ cũ đối với trường hợp điều chỉnh, bổ sung nội dung hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng.</li> </ul> <p>(2) Trường hợp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 11 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.</li> <li>- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của chứng chỉ hành nghề cũ còn thời hạn sử dụng.</li> <li>- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản khai kinh</li> </ul>

	<p>những về công tác chuyên môn trong hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian tổ chức sát hạch).
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề khi tham gia hoạt động xây dựng thuộc các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	Sở Xây dựng.
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
<b>Phí, lệ phí</b>	Lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính; Chi phí sát hạch theo quy định của Bộ Xây dựng.
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD;</li> <li>- Mẫu đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số 11 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.</li> <li>- Mẫu Bản khai kinh nghiệm có xác nhận về nơi làm việc của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.</li> </ul>
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	<p>a) Điều kiện chung đối với các nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:</p> <p>Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng khi đáp ứng được các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.</li> <li>- Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 5 (năm) năm trở lên;</li> <li>Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 3 (ba) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 5 (năm) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp.</li> </ul> </li> <li>- Đạt yêu cầu sát hạch về kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến</li> </ul>

thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề.

b) Điều kiện riêng đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề về lĩnh vực:

*(1) Khảo sát xây dựng:*

- Khảo sát địa hình:

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa hoặc chuyên ngành xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa hình ít nhất 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 5 (năm) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp II hoặc 3 (ba) công trình cấp III cùng loại;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa hoặc chuyên ngành xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa hình ít nhất 3 (ba) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại.

- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình:

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình ít nhất 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 5 (năm) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp II hoặc 3 (ba) công trình cấp III cùng loại;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình ít nhất 3 (ba) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại.

*(2) Thiết kế quy hoạch xây dựng:*

- Hạng II: Cá nhân có trình độ đại học thuộc chuyên ngành kiến trúc; quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh tế đô thị hoặc chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của việc lập đồ án quy hoạch xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thực hiện thiết kế hoặc chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành của ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, 2 (hai) đồ án quy hoạch vùng liên huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù.

- Hạng III: Cá nhân có trình độ đại học thuộc chuyên ngành kiến trúc; quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh



tê đô thị hoặc chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của việc lập đồ án quy hoạch xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia thiết kế hoặc thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành của ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù hoặc 5 (năm) đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn.

(3) *Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng:*

- Thiết kế kiến trúc công trình:

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 5 (năm) công trình cấp III và đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II trở lên cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề.

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 3 (ba) công trình cấp III hoặc 5 (năm) công trình cấp IV cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề.

- Thiết kế kết cấu công trình:

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 5 (năm) công trình cấp III và đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II trở lên cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề.

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 3 (ba) công trình cấp III hoặc 5 (năm) công trình cấp IV cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề.

- Đối với cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành khác có liên quan đến thiết kế các hệ thống kỹ thuật công trình như điện - cơ điện công trình, cấp -

thoát nước, thông gió - cấp thoát nhiệt, mạng thông tin - liên lạc, phòng chống cháy - nổ công trình xây dựng: nội dung được phép hành nghề phải phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, căn cứ theo thời gian và kinh nghiệm thực tế mà cá nhân đó đã tham gia thực hiện thiết kế.

*(4) Giám sát thi công xây dựng:*

- Giám sát công tác xây dựng:

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế trực tiếp giám sát thi công hoặc chủ trì thiết kế, thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế trực tiếp tham gia giám sát thi công hoặc tham gia thiết kế, thẩm định thiết kế, thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp III hoặc 2 (hai) công trình cấp IV cùng loại.

- Giám sát "lắp đặt thiết bị công trình" và "lắp đặt thiết bị công nghệ": cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành như điện, cơ khí, thông gió - cấp thoát nhiệt, cấp - thoát nước, điều hòa không khí, mạng thông tin - liên lạc, phòng chống cháy - nổ công trình xây dựng và các chuyên ngành phù hợp khác, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm tham gia giám sát các công việc thuộc các chuyên ngành này thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề với nội dung giám sát "lắp đặt thiết bị công trình" hoặc "lắp đặt thiết bị công nghệ" hoặc cả hai nội dung này.

*(5) Kiểm định xây dựng:*

- Hạng II: Cá nhân chưa có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc thiết kế xây dựng, có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và đã có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng II; chứng chỉ thiết kế xây dựng hạng II; đã làm chủ trì kiểm định, chủ trì thiết kế hoặc đã trực tiếp giám sát thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ.

- Hạng III: Cá nhân chưa có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc thiết kế xây dựng, có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và đã có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng III; chứng chỉ thiết kế xây dựng hạng III; đã làm chủ trì kiểm định, chủ trì thiết kế hoặc đã trực tiếp giám sát thi công

	<p>xây dựng ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ.</p> <p>Cá nhân đã có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc thiết kế xây dựng thuộc lĩnh vực thiết kế kết cấu công trình thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng tương ứng với hạng và loại công trình ghi trong chứng chỉ đã được cấp.</p> <p><i>(6) Định giá xây dựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạng II: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành kinh tế hoặc kỹ thuật xây dựng và đã tham gia quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc chủ trì lập tổng mức đầu tư của ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 3 (ba) dự án nhóm C hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 3 (ba) công trình cấp II hoặc 10 (mười) công trình cấp III.</li> <li>- Hạng III: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành kinh tế hoặc kỹ thuật xây dựng và đã tham gia lập tổng mức đầu tư của ít nhất 1 (một) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 10 (mười) công trình cấp IV.</li> </ul>
<p><b><i>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i></b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</li> <li>- Thông tư số 17/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.</li> </ul>

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI  
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 11 Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ  
Xây dựng)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

....., ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI  
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)**

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Quốc tịch: .....
4. Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu số:..... ngày cấp: .....nơi cấp: .....
5. Địa chỉ thường trú: .....
6. Số điện thoại: ..... 7. Địa chỉ Email: .....
8. Đơn vị công tác: .....
9. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo): .....
10. Chứng chỉ hành nghề số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp: .....

Đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:..... (\*)

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**Ghi chú:**

(\*) Ghi rõ lĩnh vực hành nghề theo quy định Khoản 1 Điều 3 Thông tư này và Hạng đề nghị chuyển đổi.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI  
DUNG CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây  
dựng)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG  
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)**

1. Họ và tên: .....

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Quốc tịch: .....

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu: ..... ngày cấp:.....nơi cấp.....

5. Địa chỉ thường trú: .....

6. Số điện thoại:..... Địa chỉ Email: .....

7. Đơn vị công tác: .....

8. Trình độ chuyên môn (*ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo*): .....

9. Mã số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có): .....

Đề nghị được cấp/cấp lại/điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động  
xây dựng như sau:

9.1. Cấp chứng chỉ hành nghề

Lĩnh vực hành nghề: .....<sup>(1)</sup>..... Hạng: .....

9.2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....<sup>(2)</sup>

9.3. Điều chỉnh/Bổ sung nội dung hành nghề

Lĩnh vực hành nghề điều chỉnh/bổ sung:.....<sup>(1)</sup>..... Hạng: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động  
xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp  
luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Lĩnh vực hành nghề theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

<sup>(2)</sup> Ghi rõ lý do theo quy định Khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

# MẪU BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Phụ lục số 02 Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ  
Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Họ và tên: .....
2. Trình độ chuyên môn: .....
3. Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp (năm, tháng): .....
4. Đơn vị công tác: .....
5. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động, chức danh)	Ghi chú
1				
2				
...				

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận của Cơ quan, Tổ chức quản lý trực tiếp  
hoặc Hội nghề nghiệp (\*)

NGƯỜI KHAI  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

### Ghi chú:

(\*) Trường hợp cá nhân là Giảng viên của các cơ sở bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng thì phải có xác nhận về nơi làm việc của cơ sở bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng. Cá nhân tham gia hành nghề độc lập không phải lấy xác nhận này.

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>2.04- Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (Trường hợp CCHN rách, nát/thất lạc)</b> đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề tới Sở Xây dựng đối với chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III.</li> <li>- Trình tự thực hiện như đối với trường hợp cấp mới nhưng không yêu cầu sát hạch, thời gian thực hiện xét cấp không quá 15 ngày.</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Cá nhân yêu cầu cấp lại chứng chỉ hành nghề nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.</li> <li>- Chứng chỉ cũ đối với trường hợp chứng chỉ cũ bị rách, nát.</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Cá nhân có chứng chỉ hành nghề bị rách, nát hoặc thất lạc khi tham gia hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	Sở Xây dựng.
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Chứng chỉ hành nghề được cấp lại.
<b>Phí, lệ phí</b>	Lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	- Mẫu đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề;</li> <li>- Không vi phạm các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan.</li> </ul>
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</li> <li>- Thông tư số 17/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.</li> </ul>

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)**

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Quốc tịch: .....
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu: ..... ngày cấp:.....nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú: .....
6. Số điện thoại:..... Địa chỉ Email: .....
7. Đơn vị công tác: .....
8. Trình độ chuyên môn (*ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo*): .....
9. Mã số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có): .....

Đề nghị được cấp/cấp lại/điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng như sau:

- 9.1. Cấp chứng chỉ hành nghề   
Lĩnh vực hành nghề: .....<sup>(1)</sup> Hạng: .....
- 9.2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề   
Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....<sup>(2)</sup>
- 9.3. Điều chỉnh/Bổ sung nội dung hành nghề   
Lĩnh vực hành nghề điều chỉnh/bổ sung: .....<sup>(1)</sup> Hạng: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Lĩnh vực hành nghề theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

<sup>(2)</sup> Ghi rõ lý do theo quy định Khoản 1 Điều 17 Thông tư này.



<p><b>Tên Thủ tục hành chính</b></p>	<p><b>2.05- Thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu):</b> Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C.</p>
<p><b>Trình tự thực hiện</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho Sở Xây dựng.</li> <li>- Sau khi nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng, không đủ theo quy định phải thông báo và hướng dẫn một lần bằng văn bản cho nhà thầu biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> <li>- Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng xem xét và cấp phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định để được cấp giấy phép hoạt động xây dựng thì Sở Xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết.</li> </ul>
<p><b>Cách thức thực hiện</b></p>	<p>Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.</p>
<p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Đối với nhà thầu là tổ chức:</i></li> <li>+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng.</li> <li>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.</li> <li>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp hoặc nơi mà nhà thầu đang thực hiện dự án cấp.</li> <li>+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu theo mẫu và báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam).</li> <li>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam (có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu), trong đó xác định rõ phần việc mà nhà thầu Việt Nam thực hiện.</li> </ul> <p>Trường hợp khi dự thầu hoặc chọn thầu chưa xác định được</p>

	<p>thầu phụ, khi đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phải có hợp đồng với thầu phụ Việt Nam kèm theo văn bản chấp thuận của chủ đầu tư và bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của nhà thầu phụ Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy uỷ quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.</li> <li>+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.</li> <li>- Đối với nhà thầu là cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được quy định.</li> <li>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.</li> <li>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề do nước mà cá nhân mang quốc tịch hoặc nơi mà cá nhân thực hiện dự án cấp và bản sao hộ chiếu cá nhân.</li> <li>+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.</li> </ul> </li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Nhà thầu.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	Sở Xây dựng.
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Giấy phép hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân là nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.
<b>Phí, lệ phí</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng;</li> <li>- Mức phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép (theo quy định tại Điều 4, Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính).</li> </ul>
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 (đối với nhà thầu là tổ chức) và Phụ lục số 4 (đối với nhà thầu là cá nhân) Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.
<b>Yêu cầu, điều kiện thực</b>	a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phải công bố thông tin trên

<p><b>hiện thủ tục hành chính</b></p>	<p>Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng theo phân cấp</p> <p>b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo điều kiện đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu</p> <p>c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Trường hợp đối với gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư;</li> <li>- Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng.</li> </ul> <p>d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.</p> <p>e) Yêu cầu hoặc điều kiện 5: Nhà thầu nước ngoài phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam.</p>
<p><b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.</li> <li>- Thông tư 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng</li> </ul>

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 1  
Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  
(Đối với nhà thầu là tổ chức)

Văn bản số : ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng  
(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng .....)

Tôi: (Họ tên) Chức vụ:  
Được uỷ quyền của ông (bà): theo giấy uỷ quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại: Fax: E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại: Fax: E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc thầu chính, trường hợp là thầu phụ làm đơn) là : ..... thông báo thắng thầu (hoặc được chọn thầu) để làm thầu chính (hoặc thầu phụ) thực hiện công việc ..... thuộc Dự án ..... tại ..... , trong thời gian từ ..... đến .....

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (hoặc Sở Xây dựng ....) xét cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện việc thầu nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Các tài liệu được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) ..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại ..... Fax ..... E.mail .....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.---

Thay mặt (hoặc thừa uỷ quyền) .....  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 4*

*Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**(Đối với nhà thầu là cá nhân)**

Kính gửi : Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng

Ông Giám đốc Sở Xây dựng .....

Tôi: (Họ tên)

Nghề nghiệp:

Có hộ chiếu số:

(sao kèm theo đơn này)

Địa chỉ tại chính quốc:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Tôi được chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là ..... thông báo thắng thầu (hoặc chọn thầu) làm tư vấn công việc ..... thuộc Dự án ..... tại ..... Trong thời gian từ .....

Đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng/Sở Xây dựng ..... xét cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tôi để thực hiện các công việc nêu trên.

Hồ sơ kèm theo gồm:

Các tài liệu quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của tôi cần được bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) ..... có địa chỉ tại Việt Nam ..... số điện thoại ..... Fax ..... E.mail .....

Khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các qui định trong giấy phép và các qui định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính đơn

(Ký tên)

Họ và tên người ký

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>2.06- Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu): Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C.</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	Sau khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, nếu có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp, nhà thầu nước ngoài phải nộp hồ sơ đến Sở Xây dựng để được xem xét điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp.
<b>Cách thức thực hiện</b>	Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng. - Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Nhà thầu.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	Sở Xây dựng.
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài được điều chỉnh.
<b>Phí, lệ phí</b>	- Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng; - <u>Mức phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép</u> (theo quy định tại Điều 4, Thông tư 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính).
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 8 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	Nhà thầu đã được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng tại Việt Nam có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp.
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính

phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- Thông tư 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP**  
**HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 5*

*Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Văn bản số : ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi : Cơ quan chuyên môn về xây dựng (Bộ Xây dựng)  
(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng .....

Tôi: (Họ tên) Chức vụ:  
Được uỷ quyền của ông (bà): theo giấy uỷ quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (Sở Xây dựng) cấp giấy phép hoạt động xây dựng số ....., ngày ..... để thực hiện gói thầu .....thuộc dự án ..... Đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung: .....

Lý do đề nghị điều chỉnh: .....

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (hoặc Sở Xây dựng ....) xét điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi với nội dung nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

- 1- Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp
- 2- Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung điều chỉnh
- 3- Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị điều chỉnh là thầu phụ).

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) ..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại ..... Fax ..... E.mail .....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa uỷ quyền) .....  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)



<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>2.07- Thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh.</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người đề nghị thẩm định gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để thực hiện thẩm định.</li> <li>- Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định. Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.</li> <li>- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a). Thành phần hồ sơ:           <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trong trường hợp thẩm định dự án/dự án điều chỉnh; hồ sơ thiết kế cơ sở (thuyết minh và bản vẽ) trong trường hợp thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh;</li> <li>- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.</li> </ul> </li> <li>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</li> </ul>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh:</li> <li>+ Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C.</li> <li>- Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:</li> <li>+ Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B;</li> <li>+ Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.</li> </ul>
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Chủ đầu tư.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Văn bản thông báo kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng, kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
<b>Phí, lệ phí</b>	Theo quy định của Bộ Tài chính.
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	Mẫu Tờ trình Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh tại Mẫu số 01, mẫu Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Mẫu số 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	Không quy định.
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.</li> </ul>

Mẫu Tờ trình thẩm định dự án/thiết kế cơ sở  
hoặc thẩm định điều chỉnh dự án/điều chỉnh thiết kế cơ sở  
(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định 59/2015/NĐ-CP  
ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm....

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng  
(Tên dự án) với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)**

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình:
4. Người quyết định đầu tư:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Các thông tin khác (nếu có):

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO**

1. Văn bản pháp lý:
  - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
  - Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
  - Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
  - Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
  - Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
  - Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
  - Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
  - Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

*(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.*

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Tên người đại diện**

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>2.08- Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước).</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người đề nghị thẩm định gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để thực hiện thẩm định.</li> <li>- Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm-bảo điều kiện thẩm định theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.</li> <li>- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 10 (mười) ngày đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Hồ sơ trình thẩm định theo danh mục tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;</li> <li>- Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;</li> <li>- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).</li> </ul> </li> <li>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ (hồ sơ gốc).</li> </ul>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Không quá 20 ngày, tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Người đề nghị thẩm định.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.
<b>Phí, lệ phí</b>	Theo quy định của Bộ Tài chính.
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	Không quy định.
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.</li> </ul>

**Mẫu Tờ trình Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)**  
*(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

**TÊN TÒ CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm .....

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ, ...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:
  - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
  - Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
  - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
  - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
  - Và các văn bản khác có liên quan.
2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
  - Hồ sơ khảo sát xây dựng;
  - Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

**3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:**

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
  - Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
  - Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);
- (Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

- Lưu:

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Tên người đại diện**



**Báo cáo kết quả thẩm tra dự án**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ  
Xây dựng)

**ĐƠN VỊ THẨM TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....  
V/v báo cáo kết quả thẩm  
tra dự án.....

....., ngày ... tháng ... năm.....

Kính gửi: (Chủ đầu tư)

(Tổ chức thẩm tra) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của ..... đề nghị thẩm tra dự  
án ....(Tên dự án đầu tư xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý  
dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy  
định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế,  
dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Hợp đồng tư vấn số..... ngày..... tháng..... năm..... được ký kết  
giữa .....(Tổ chức thẩm tra) và .....(Chủ đầu tư);

Các căn cứ khác có liên quan.....;

Sau khi xem xét hồ sơ dự án, (Tổ chức thẩm tra) thông báo kết quả thẩm tra dự  
án ....(Tên dự án) như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa Điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư:
7. Thời gian thực hiện:
8. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
9. Các thông tin khác (nếu có):

**II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ DỰ ÁN**

1. Văn bản pháp lý (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình):
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

**III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN**

1. Nội dung chủ yếu của dự án  
(Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án thẩm tra)

2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

#### IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ dự án (Tên dự án), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ, thiếu/đủ hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng 2014.

3. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

#### V. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm tra thiết kế cơ sở: (một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư).

a) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

b) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Kết luận về bảo đảm an toàn xây dựng của giải pháp thiết kế; kiểm tra sự phù hợp của giải pháp thiết kế với các giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy;

c) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở: Đánh giá về danh Mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy định hiện hành; đánh giá sự tuân thủ trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế cơ sở.

2. Thẩm tra các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng gồm sự phù hợp với chủ trương đầu tư, khả năng đáp ứng nhu cầu tăng thêm về quy mô, công suất, năng lực khai thác sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ;

b) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án gồm sự phù hợp về quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất, giải phóng mặt bằng xây dựng; nhu cầu sử dụng tài nguyên (nếu có), việc bảo đảm các yếu tố đầu vào và đáp ứng các đầu ra của sản phẩm dự án; giải pháp tổ chức thực hiện; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; bảo đảm quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác;

c) Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án gồm tổng mức đầu tư:

- Kiểm tra phương pháp lập tổng mức đầu tư; đánh giá nội dung cơ cấu tổng mức đầu tư đề nghị thẩm tra; kiểm tra sự phù hợp trong việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá và chế độ chính sách liên quan trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Kiểm tra sự phù hợp khối lượng công việc trong tổng mức đầu tư; kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của nội dung chi phí trong tổng mức đầu tư;

- Giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm tra (nêu rõ giá trị của từng Khoản Mục chi phí, nguyên nhân tăng, giảm)

d) Đánh giá tiến độ thực hiện dự án; chi phí khai thác vận hành; khả năng huy động vốn theo tiến độ, phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

#### **V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

- Dự án (Tên dự án) đủ Điều kiện (chưa đủ Điều kiện) để triển khai các bước tiếp theo.

- Một số kiến nghị khác (nếu có).

#### **CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA DỰ ÁN**

- (Ký, ghi rõ họ tên)

*(Kết quả thẩm tra có thể được bổ sung thêm một số nội dung khác theo yêu cầu, phạm vi công việc thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)*

#### **ĐƠN VỊ THẨM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>2.09- Thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 3 bước), hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 2 bước) theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Sở Xây dựng hoặc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương).</li> <li>- Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.</li> <li>- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 ngày đối với các công trình còn lại. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thành phần hồ sơ:           <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP);</li> <li>- Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan.</li> <li>- Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình nhà ở riêng lẻ.</li> <li>- Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).</li> <li>- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.</li> <li>- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng</li> </ul> </li> </ul>

	<p>vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).</li> </ul> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với công trình cấp II và cấp III: không quá 30 ngày.</li> <li>- Đối với các công trình còn lại: không quá 20 ngày.</li> </ul>
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Tổ chức và cá nhân.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Văn bản về kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng được lập theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.
<b>Phí, lệ phí</b>	Theo quy định của Bộ Tài chính.
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	Không quy định.
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.</li> </ul>

## MẪU TỜ TRÌNH

**Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình**  
(Ban hành kèm theo Mẫu số 06, Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP  
ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm .....

## TỜ TRÌNH

**Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

### I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ, ...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

### II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:
  - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
  - Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
  - Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
  - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
  - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Tên người đại diện**

**Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình**  
**(Tên cá nhân/Cơ quan phê duyệt)**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;  
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số....

Xét đề nghị của... tại tờ trình số... ngày...

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình... với các nội dung chủ yếu sau:**

1. Tên dự án:
  2. Chủ đầu tư:
  3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
  4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
  5. Tổ chức tư vấn lập dự án:
  6. Chủ nhiệm lập dự án:
  7. Địa Điểm xây dựng:
  8. Diện tích sử dụng đất:
  9. Loại, cấp công trình (ghi loại và cấp của công trình chính thuộc dự án):
  10. Số bước thiết kế:
  11. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
  12. Thiết bị công nghệ (nếu có):
  13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
  14. Tổng mức đầu tư của dự án:
- Tổng mức:  
Trong đó:
- Chi phí xây dựng:
  - Chi phí, thiết bị:
  - Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
  - Chi phí quản lý dự án:
  - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
  - Chi phí khác:



- Chi phí dự phòng:

15. Nguồn vốn đầu tư (nêu rõ dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án):

16. Hình thức quản lý dự án:

17. Thời gian thực hiện dự án:

18. Thời hạn sử dụng công trình:

19. Các nội dung khác:

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

### **CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu.

**Tên Thủ tục hành chính**

**2.10- Thủ tục cấp giấy phép xây dựng** (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng, công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

**Trình tự thực hiện**

- Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

- Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn quy định, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

<p><b>Cách thức thực hiện</b></p>	<p>Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.</p>
<p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Trường hợp xây dựng mới:</p> <p>(1.1) Đối với công trình không theo tuyến; Công trình tín ngưỡng; Công trình tôn giáo; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;</li> <li>- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;</li> <li>- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;</li> <li>+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;</li> <li>+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.</li> </ul> </li> </ul> <p>Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.</p> <p>(1.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;</li> <li>- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà</li> </ul>

nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm: Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

*(1.3) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá, di tích lịch sử theo phân cấp;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ các mặt đứng, các mặt cắt chủ yếu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

*(1.4) Đối với công trình quảng cáo:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp

thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình đối với trường hợp thuê đất hoặc thuê công trình để xây dựng công trình quảng cáo;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:

+ Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50 - 1/100.

*(2) Trường hợp theo giai đoạn:*

*(2.1) Đối với công trình không theo tuyến:*

Đối với công trình cấp I, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì có thể đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo hai giai đoạn. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Giai đoạn 1:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, bản vẽ mặt bằng, mặt cắt chính của phần công trình đã được phê duyệt trong giai đoạn 1 tỷ lệ 1/50 -

1/200 kèm theo sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: Giao thông, thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/100 - 1/200.

- Giai đoạn 2:

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chính giai đoạn 2 của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

*(2.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:*

Việc phân chia công trình theo giai đoạn thực hiện do chủ đầu tư xác định theo quyết định đầu tư. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân đất thực hiện theo giai đoạn hoặc cả dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Các bản vẽ theo từng giai đoạn: Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Đối với công trình ngầm yêu cầu phải có bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/100 - 1/500.

*(3) Đối với công trình theo dự án:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng

giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+) Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đầu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*(4) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hoá và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

*(5) Di dời công trình:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời gồm:

+ Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;

+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại mục 3, mục 4 Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

(6) Đối với công trình xây dựng có thời hạn:

Hồ sơ như điểm (1.1); (4); (5) mục này.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).

**Thời hạn giải quyết**

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**

Chủ đầu tư.



<b><i>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</i></b>	Sở Xây dựng (hoặc Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao) theo phân cấp của địa phương.
<b><i>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</i></b>	Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.
<b><i>Phí, lệ phí</i></b>	Theo quy định của Bộ Tài chính.
<b><i>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</i></b>	Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
<b><i>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</i></b>	Không quy định.
<b><i>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.</li> </ul>

# MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Phụ lục số 1

Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/  
Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/  
Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo  
tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dờn công trình)

Kính gửi: .....

#### 1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ (nếu có): .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Số nhà: ..... Đường/phố ..... Phường/xã .....
- Quận/huyện ..... Tỉnh/thành phố: .....
- Số điện thoại: .....

#### 2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng: .....
- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Tại số nhà: ..... Đường/phố .....
- Phường/xã ..... Quận/huyện .....
- Tỉnh, thành phố: .....

#### 3. Nội dung đề nghị cấp phép:

##### 3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng: ..... m<sup>2</sup>.
- Cột xây dựng: ..... m
- Tổng diện tích sàn: ..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: ..... m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

##### 3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Tổng chiều dài công trình: ..... m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cột của công trình: ..... m (ghi rõ cột qua từng khu vực)
- Chiều cao tính không của tuyến: ..... m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình: ..... m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

##### 3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng: ..... m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng:.....m

- Chiều cao công trình: .....m

### **3.4. Đối với công trình quảng cáo:**

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng:.....m

- Chiều cao công trình: .....m

- Nội dung quảng cáo:.....

### **3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:**

- Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn:..... m<sup>2</sup> (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

### **3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:**

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):: .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn:..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

### **3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:**

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

+ Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

+ Cốt xây dựng:.....m

+ Chiều sâu công trình:.....m (tính từ cốt xây dựng)

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn:..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

+ Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

+ Số tầng:.....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

### **3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:**

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:..... m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt của công trình: .....m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)

- Chiều cao tính không của tuyến: .....m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).

- Độ sâu công trình: .....m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

### **3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:**

- Tên dự án:.....

+ Đã được: .....phê duyệt, theo Quyết định số: ..... ngày.....

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

+ Công trình số (1-n): (tên công trình)

\* Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

\* Các thông tin chủ yếu của công trình: .....

**3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:**

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: .....m.

- Địa điểm công trình di dời đến: .....

- Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.

- Tại: ..... Đường: .....

- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....

- Tỉnh, thành phố: .....

- Số tầng: .....

**4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: .....**

- Tên đơn vị thiết kế: .....

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ..... Cấp ngày .....

- Tên chủ nhiệm thiết kế: .....

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: .....do ..... Cấp ngày: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ..... cấp ngày .....

**5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng.**

**6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.**

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 - ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư**

- Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có) ---

<p><b>Tên Thủ tục hành chính</b></p>	<p><b>2.11- Thủ tục điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng</b> đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử-văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng, công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.</p>
<p><b>Trình tự thực hiện</b></p>	<p>(1) Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng trình tự thực hiện như cấp giấy phép xây dựng.  (2) Trường hợp gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng:  - Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.  - Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm xem xét gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng..</p>
<p><b>Cách thức thực hiện</b></p>	<p>Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.</p>
<p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:  (1) Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:  - Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;  - Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;  - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;  - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.  (2) Đối với trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:  - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;  - Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;  (3) Đối với trường hợp cấp lại giấy phép xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:  - Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông</p>

	<p>tư số 15/2016/TT-BXD;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).</li> <li>b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).</li> </ul>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh giấy phép xây dựng: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Chủ đầu tư.
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	Sở Xây dựng (hoặc Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao) theo phân cấp của địa phương.
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Giấy phép xây dựng được điều chỉnh, gia hạn hoặc cấp lại.
<b>Phí, lệ phí</b>	Theo quy định của Bộ Tài chính.
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</b>	Không quy định.
<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</li> <li>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.</li> </ul>

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP  
XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 2  
Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**  
*(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)*

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư (Chủ

hộ):.....

- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....

- Địa chỉ liên hệ: .....

- Số nhà: ..... Đường (phố)..... Phường (xã) .....

- Quận (huyện) ..... Tỉnh, thành phố: .....

- Số điện thoại: .....

2. Địa điểm xây dựng: .....

- Lô đất số:.....Diện tích ..... m<sup>2</sup>.

- Tại: ..... Đường: .....

- Phường (xã) ..... Quận (huyện) .....

- Tỉnh, thành phố: .....

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép :

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế: .....

- Tên đơn vị thiết kế: .....

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số ..... Cấp ngày .....

- Tên chủ nhiệm thiết kế: .....

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: .....do ..... Cấp ngày: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): ..... cấp ngày .....

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: ..... tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

<b>Tên Thủ tục hành chính</b>	<b>2.12- Thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định</b>
<b>Trình tự thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư chuyển nhượng gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở là Sở Xây dựng;</li> <li>+ Đối với các loại dự án bất động sản khác là Sở quản lý chuyên ngành do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.</li> </ul> </li> <li>- Cơ quan đầu mối thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục thuế và Sở quản lý chuyên ngành, tổ chức thẩm định hồ sơ chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Sau khi hoàn thành việc thẩm định, cơ quan đầu mối thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký ban hành quyết định cho phép chuyển nhượng. Trường hợp không đủ điều kiện cho phép chuyển nhượng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư chuyển nhượng biết rõ lý do.</li> </ul>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	a) Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng;</li> <li>- Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho chuyển nhượng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực);</li> <li>+ Quyết định phê duyệt dự án, quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (bản sao có chứng thực);</li> <li>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án đề nghị chuyển nhượng (bản sao có chứng thực);</li> </ul> </li> <li>- Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng.</li> <li>- Hồ sơ của chủ đầu tư nhận chuyển nhượng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án;</li> </ul> </li> </ul>



	<p>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh bất động sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 3 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (bản sao có chứng thực), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>+ Văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai. Trường hợp chưa có văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai thì phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán về mức vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm nhận chuyển nhượng hoặc năm trước liền kề năm nhận chuyển nhượng) đối với doanh nghiệp đang hoạt động; đối với doanh nghiệp mới thành lập thì nếu số vốn là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ thì phải được ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản xác nhận về số dư tiền gửi của doanh nghiệp, nếu số vốn là tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá, thẩm định giá tài sản của doanh nghiệp.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</b>	Chủ đầu tư dự án (Doanh nghiệp Kinh doanh bất động sản).
<b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý chuyên ngành do UBND cấp tỉnh quyết định.</li> </ul>
<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính</b>	Quyết định cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án bất động sản.
<b>Phí, lệ phí</b>	Không
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ dự án và đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng một phần dự án (theo Mẫu số 08a và 08b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</li> <li>- Báo cáo quá trình thực hiện dự án (theo Mẫu số 09a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</li> <li>- Báo cáo quá trình thực hiện dự án và một phần dự án chuyển</li> </ul>

	<p>nhượng (theo Mẫu số 09b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án (theo Mẫu số 10a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</li> <li>- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án (theo Mẫu số 10b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).</li> </ul>
<b><i>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng.</li> <li>- Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính và cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án.</li> </ul>
<b><i>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.</li> <li>- Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.</li> </ul>